

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT VIỄN THÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2024)

I. Sự cần thiết

Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 (quy định về quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025).

Thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6; Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

Căn cứ các quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động TTHC và rà soát, đánh giá TTHC, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng), giấy phép nghiệp vụ viễn thông (lắp đặt cáp viễn thông trên biển, thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, thử nghiệm mạng và dịch vụ, thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, truyền hình quốc gia), ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, quy định về đăng ký, thông báo

cung cấp dịch vụ viễn thông, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Việc quy định thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy phép nghiệp vụ viễn thông, quy định về ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông là thực sự cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Theo đó, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sau đây gọi tắt là Nghị định) quy định 29 TTHC là TTHC ban hành mới và bãi bỏ 15 TTHC cần thiết, tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính dự kiến mới ban hành (29 TTHC)

- (1) Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.
- (2) Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
- (3) Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.
- (4) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.
- (5) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
- (6) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.
- (7) Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.
- (8) Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
- (9) Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.
- (10) Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.
- (11) Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.
- (12) Thủ tục cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.
- (13) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

- (14) Thủ tục gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.
- (15) Thủ tục cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
- (16) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
- (17) Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
- (18) Thủ tục cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.
- (19) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.
- (20) Thủ tục gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.
- (21) Thủ tục cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.
- (22) Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.
- (23) Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia.
- (24) Thủ tục ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- (25) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.
- (26) Thủ tục tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông.
- (27) Thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- (28) Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- (29) Thủ tục cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển.

2. Đối với những thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung: không

3. Thủ tục hành chính được bãi bỏ (15 TTHC)

- (1) Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 66.600.042 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp.
- (2) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 25.912.721 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp.
- (3) Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 9.473.895 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp.
- (4) Cấp mới Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 77.110.560 đồng/năm với

số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(5) Gia hạn Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 11.927.840 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(6) Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 35.895.380 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(7) Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 15.907.740 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(8) Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 15.907.740 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(9) Cấp Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 10.575.418 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 03 doanh nghiệp

(10) Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 4.772.322 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 03 doanh nghiệp

(11) Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 4.772.322 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 03 doanh nghiệp

(12) Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 35.507.390 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(13) Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 20.415.630 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 10 doanh nghiệp

(14) Cấp lại giấy phép viễn thông (Áp dụng đối với cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, cấp phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa Việt Nam; Không áp dụng đối với cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 12/2013/TT-BTTTT)

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 2.240.382 đồng/năm với số

lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 03 doanh nghiệp

(15) Hiệp thương, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông

- Việc bãi bỏ TTHC cấp này đã cắt giảm được 2.240.382 đồng/năm với số lượng đối tượng tuân thủ trong 1 năm là 03 doanh nghiệp

II. Đánh giá tác động của từng thủ tục hành chính

1. Đối với những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

1.1. Đánh giá chung về 29 TTHC mới

- Các TTHC mới tại dự thảo Nghị định được quy định rõ ràng, ngắn gọn, phù hợp với thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc chuyển nhượng kho số viễn thông và thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

- Hồ sơ, thời gian để giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể, tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức trúng đấu giá và phù hợp với khả năng của cơ quan thực hiện TTHC.

- Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông (có hạ tầng mạng và không có hạ tầng mạng), giấy phép nghiệp vụ viễn thông, giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông tại Phụ lục kèm theo Nghị định đảm bảo rõ ràng, cụ thể, thông tin khai báo thực sự cần thiết.

- Các TTHC được quy định trong dự thảo Nghị định phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Nội dung của TTHC thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị định, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Từng TTHC dự kiến ban hành mới đã được đánh giá tác động chi tiết như biểu mẫu Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ-BHM về Đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới trong dự án, dự thảo văn bản (đính kèm báo cáo này).

1.2. Về chi phí tuân thủ TTHC

(1) Thủ tục Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 6.634.605 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 33.173.024 đồng

(2) Thủ tục Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp Nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh

- Chi phí thực hiện TTHC: 990.209 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 4.951.046 đồng

(3) Thủ tục Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 6.502.228 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 32.511.142 đồng

(4) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 7.725.766 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 38.628.829 đồng

(5) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp Nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh

- Chi phí thực hiện TTHC: 990.209 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 4.951.046 đồng

(6) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 7.635.688 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 38.178.442 đồng

(7) Thủ tục Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.604.350 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 13.021.748 đồng

(8) Thủ tục Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh

- Chi phí thực hiện TTHC: 1.013.709 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 5.068.546 đồng

(9) Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.604.350 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 13.021.748 đồng

(10) Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 8.271.565 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 41.357.824 đồng

(11) Thủ tục Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- Chi phí thực hiện TTHC: 8.135.688 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 4.067.8442 đồng

(12) Thủ tục Cấp Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

- Chi phí thực hiện TTHC: 8.165.900 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 16.331.800 đồng

(13) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

- Chi phí thực hiện TTHC: 8.052.305 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 16.104.609 đồng

(14) Thủ tục Gia hạn Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

- Chi phí thực hiện TTHC: 8.052.305 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 16.104.609 đồng

(15) Thủ tục Cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Chi phí thực hiện TTHC: 4.229.727 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 12.689.180 đồng

(16) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Chi phí thực hiện TTHC: 1.906.968 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 5.720.903 đồng

(17) Thủ tục Gia hạn Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

- Chi phí thực hiện TTHC: 1.800.370 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 5.401.109 đồng

(18) Thủ tục Cấp Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ

- Chi phí thực hiện TTHC: 4.098.129 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 12.294.386 đồng

(19) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.300.370 đồng
- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 6.901.109 đồng

(20) Thủ tục gia hạn Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.300.370 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 6.901.109 đồng

(21) Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia

- Chi phí thực hiện TTHC: 4.063.928 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 12.191.783 đồng

(22) Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.774.159 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 8.322.476 đồng

(23) Thủ tục Gia hạn Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại điểm d điều 33 Luật VT

- Chi phí thực hiện TTHC: 2.708.360 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 8.125.079 đồng

(24) Thủ tục Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông

- Chi phí thực hiện TTHC: 6.677.240 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 13.272.881 đồng

(25) Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

- Chi phí thực hiện TTHC: 452.549 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 4.525.493 đồng

(26) Thủ tục Tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông

- Chi phí thực hiện TTHC: 301.753 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 12.070.112 đồng

(27) Thủ tục Hiệp thương giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông

- Chi phí thực hiện TTHC: 893.179 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 893.179 đồng

(28) Thủ tục Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

- Chi phí thực hiện TTHC: 485.189 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 485.189 đồng

(29) Thủ tục cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam để khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông trên biển

- Chi phí thực hiện TTHC: 1.580.769 đồng

- Tổng chi phí thực hiện TTHC trong 01 năm: 7.903.845 đồng

2. Đối với những thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung: không

3. Đối với những thủ tục hành chính được bãi bỏ: 15 TTHC

3.1. Đánh giá chung về 15 TTHC được bãi bỏ

Bộ TT&TT đã rà soát, đánh giá đối với 15 TTHC liên quan đang được quy định tại Nghị định số 25/2021/NĐ-CP ngày 06/04/2011.

Luật Viên thông năm 2023 được ban hành thay thế cho Luật Viên thông năm 2009. Dự thảo Nghị định quy định các thủ tục hành chính về cung cấp cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy phép nghiệp vụ viễn thông, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông; trong đó các TTHC đã được điều chỉnh nội hàm quản lý. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện bãi bỏ 15 TTHC liên quan trong Nghị định số 25/2021/NĐ-CP ngày 06/04/2011. Việc bãi bỏ các TTHC này là theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc đơn giản hóa các TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.

3.2. Về chi phí tuân thủ TTHC: Tổng chi phí đã cắt giảm khi cắt giảm 15 TTHC là 339.259.764 đồng

III. Ý kiến đánh giá của cơ quan có thẩm quyền về các TTHC trong dự thảo Nghị định thay thế

Các TTHC trong dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ban, ngành, các đơn vị có liên quan cùng với quá trình lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định (qua đường công văn và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và của Bộ TT&TT). Tại Báo cáo thẩm định (số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2024) Bộ Tư pháp cũng đã có ý kiến thẩm định và góp ý đối với các TTHC trong dự thảo Nghị định này. Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện đầy đủ trong dự thảo Nghị định đảm bảo các TTHC phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, thuận tiện cho các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng thực hiện khi được ban hành.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viên thông./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG